

SÁCH GIÁO KHOA THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

NGUYỄN THỊ THANH THỦY - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Email: thuyngxgd69@gmail.com

MAI SỸ TUẤN - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: tuanmaisy@gmail.com

Tóm tắt: Xu hướng xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa theo hướng phát triển năng lực là xu hướng của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ở các nước tiên tiến và Việt Nam đang đi theo xu hướng này. Sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực cần có những đặc điểm chính như: Tính sư phạm; Tính khoa học và hiện đại; Tính thực tiễn và bền vững; Tính thẩm mỹ. Một cuốn sách giáo khoa tốt có thể hỗ trợ học sinh trong việc hình thành và phát triển năng lực, trợ giúp giáo viên trong việc tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực cũng như giúp họ bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn và định hướng được phương pháp dạy học, cải cách ở mức độ cao.

Từ khóa: Sách giáo khoa; phát triển năng lực; giáo dục.

(Nhận bài ngày 10/7/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 09/8/2017; Duyệt đăng ngày 25/9/2017).

1. Đặt vấn đề

Sách giáo khoa (SGK) là một loại sách đặc biệt, đóng vai trò quan trọng và được toàn xã hội quan tâm. Tổ chức UNESCO đã khẳng định: "SGK là một trong những yếu tố quyết định nhất đến chất lượng giáo dục (GD) của một quốc gia bên cạnh yếu tố giáo viên (GV), hệ thống tổ chức GD và hệ thống chương trình (CT) GD".

Xác định được tầm quan trọng của SGK, từ lâu SGK đã là đối tượng nghiên cứu quan trọng của khoa học GD. Ngay từ thế kỉ XVI - XVII, Comenius được coi là người đặt nền móng cho lý thuyết về SGK. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ II, Đức và một số nước châu Âu tiến hành nghiên cứu về SGK và coi việc nghiên cứu SGK là một học thuật mới mẻ. Vào năm 1950, UNESCO tiếp tục công việc này bắt đầu bằng một cuộc hội thảo quốc tế. Tại Đức, TS. George Eckert đã hợp tác với các GV người Đức thành lập Viện SGK dùng trong nhà trường tại Brunswick, đã thu thập được một số lượng lớn các loại SGK. Từ đó đến nay, UNESCO đã cùng các nước thành viên tiến hành nhiều hoạt động (HĐ) có ý nghĩa về SGK [1]. Năm 2005, UNESCO phát động một chiến dịch mới về tài liệu học tập, SGK và đã công bố nhiệm vụ của GD thế kỉ XXI gồm bốn trụ cột là: *Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để khẳng định mình*.

Tại Việt Nam, từ những năm 1950, hệ thống GD chuyển từ phân ban tú tài cũ và hệ thống GD 12 năm chuyển sang hệ 9 năm. Từ đó, Việt Nam trải qua nhiều lần cải cách GD. Từ năm 1956 - 1976, CT và SGK chủ yếu sao chép lại của các nước xã hội chủ nghĩa, sớm bộc lộ sự quá tải. Năm 2000, SGK được chỉnh lí và hợp nhất. Mặc dù đã có những bước tiến lớn trong việc đổi mới nội dung, cấu trúc và hình thức nhưng bộ SGK hiện hành đã bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được những đòi hỏi mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

và hội nhập quốc tế [2]. Vì vậy, Nghị quyết 29 của Đảng và Nghị quyết 88 của Quốc hội đã ra đời với nhiều nội dung quan trọng trong đó có nội dung liên quan đến SGK. SGK là một tài liệu được nghiên cứu rất kĩ ở những nước phát triển nhưng các công trình nghiên cứu về SGK ở Việt Nam thì chưa nhiều. Những năm gần đây, SGK đã được đề cập khá nhiều ở Việt Nam nhưng chủ yếu là các bài viết nhận xét, phê phán nội dung, những sai sót về nội dung nặng hay nhẹ, những sai sót về kiến thức cụ thể,... rất ít công trình nghiên cứu về SGK [3].

2. Xu hướng đổi mới hiện đại hoá chương trình, sách giáo khoa trên thế giới và ở Việt Nam

Từ những năm 90 của thế kỉ trước, có hai cách tiếp cận chính để thiết kế CT GD, đó là:

- **Tiếp cận dựa vào nội dung** hoặc **Chủ đề** (*Content or topic based approach*), tập trung xác định và trả lời cho câu hỏi: *Học sinh (HS) biết được cái gì?* Cách tiếp cận chủ yếu dựa vào nội dung học vấn của một khoa học bộ môn, thường mang tính "hàn lâm", nặng về lý thuyết và tính hệ thống, ít chú ý đến nhu cầu phát triển năng lực (NL) người học, nhu cầu, hứng thú và điều kiện của người học.

- **Tiếp cận kết quả đầu ra** (*Outcome based approach*) là cách tiếp cận rõ kết quả - những khả năng hoặc kĩ năng (KN) HS mong muốn đạt được ở mỗi giai đoạn học tập, trả lời cho câu hỏi: *HS làm được những gì từ cái đã biết?*

Theo NIER, xu hướng chung trong việc thiết kế CT GD của các nước là kết hợp cả hai cách tiếp cận nội dung và tiếp cận kết quả đầu ra. Ví dụ: Khi thiết kế CT, Trung Quốc, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Malayxia, Philipin và Hoa Kỳ sử dụng kết hợp cả hai cách tiếp cận; Các nước Úc, New Zealand, Thái Lan chủ yếu sử dụng cách tiếp cận đầu ra; Cộng hòa Phi-zi, Indonexia và Việt Nam chủ yếu sử dụng cách tiếp cận nội dung; Ấn Độ và



Sri-lan-ca đang chuyển từ cách tiếp cận nội dung sang cách tiếp cận đầu ra.

Bước sang thế kỉ XXI, thách thức lớn nhất của các nhà GD trên thế giới là xây dựng một CT đáp ứng được nhu cầu của người học thích ứng với một thế giới đổi thay nhanh chóng. Để đáp ứng với những thách thức này, các nhà GD cần có chiến lược mở rộng tầm nhìn, triết lí và cập nhật các phương pháp tiếp cận. Trách nhiệm của các nhà GD là chuẩn bị cho người học sẵn sàng đón nhận thế giới và tương lai bằng cách thúc đẩy các KN, công cụ cho người học [4]. Vì vậy, GD Hàn Quốc đề cao triết lí và mục tiêu phát triển những chuẩn mực giá trị tốt đẹp, những cá tính, KN, tinh thần trách nhiệm của một công dân và tư tưởng nhân đạo cần thiết để HS có thể sống độc lập, vì sự phồn thịnh của đất nước và nhân loại. GD của Phần Lan cam kết đào tạo ra những công dân có tầm nhìn mới để kiến thiết và phát triển một xã hội tri thức. Mục tiêu hàng đầu của CT GD ở bang Québec, Canada là phát triển HS các NL cốt lõi (NL nhận thức, NL phương pháp, NL cá nhân và xã hội, NL giao tiếp,...) và khả năng tự chủ, giữ gìn bản sắc dân tộc. Để đạt được mục tiêu này, GV được khuyến khích và tạo điều kiện sử dụng hiệu quả SGK và các tài liệu học tập khác nhau. CT và SGK mới của Úc cam kết thúc đẩy sự công bằng và khuyến khích sự phấn đấu vươn lên trong GD nhằm “hỗ trợ mọi thanh thiếu niên Úc phát triển các NL cốt lõi để trở thành người học thành công, những cá nhân tự tin và sáng tạo, những công dân hiểu biết và tích cực” [5]. Singapore xem CT và SGK phổ thông là những công cụ chủ chốt để tạo nên con người tự tin, tích cực và có trách nhiệm với các giá trị cơ bản là có cá tính, biết quản lí bản thân và xã hội, biết giao tiếp và hợp tác, biết tư duy, sáng tạo và áp dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn để tạo ra những công dân của thế kỉ XXI, thích ứng với những đổi thay của thế giới [6].

Ở Việt Nam, thực hiện Nghị quyết 29 của Đảng và Nghị quyết 88 của Quốc hội, CT GD phổ thông mới được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và NL, tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học tích lũy được kiến thức phổ thông vững chắc; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời; có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội; có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú; nhờ đó cuộc sống có ý nghĩa, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại [7].

Như vậy, xu hướng xây dựng CT, biên soạn SGK theo hướng phát triển NL là xu hướng của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ở các nước tiên tiến và Việt Nam đang đi theo xu hướng này.

3. Sách giáo khoa và sách giáo khoa phát triển năng lực

3.1. Khái niệm về sách giáo khoa

Theo Từ điển Tiếng Việt thông dụng, “SGK là loại sách soạn theo CT dùng để dạy và học trong nhà trường”. Theo Từ điển Tiếng Việt phổ thông: “SGK là loại

sách soạn thảo theo CT giảng dạy ở trường học”. Theo Điều 29 Luật GD: “SGK là loại sách cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức và KN quy định trong CT GD của các môn học ở mỗi lớp của GD phổ thông, đáp ứng yêu cầu về phương pháp GD phổ thông”. Theo Từ điển tiếng Anh Collins (1998): “SGK là cuốn sách được sử dụng như là một nguồn thông tin đạt chuẩn xác về một chủ đề/ môn học cụ thể nào đó”. Ngoài ra, Warren (1981) đã định nghĩa về SGK như sau: “SGK là tài liệu giảng dạy dưới hình thức bắt buộc, nội dung được tổ chức hợp lí và có mục đích sử dụng trong CT phổ thông”. Theo Kalmus (2004): “SGK được thiết kế để dạy cho HS những kiến thức mà các nhà GD tin rằng nó tồn tại trên thế giới này và các thế hệ đi trước muốn cho truyền đạt lại cho thế hệ sau”. Hussain & Malmood (2002) cho rằng: “SGK phải là những cuốn sách có tầm nhìn, thể hiện được những yêu cầu của CT GD” [8].

Quan niệm của chúng tôi về những đặc trưng cơ bản của SGK như sau:

- SGK là một loại sách GD đặc biệt, là hiện thân của CT hay nói cách khác là văn bản cụ thể hóa các yêu cầu của CT môn học về mục tiêu, nội dung và định hướng phương pháp dạy học của môn học. Điều 29 Luật GD đã khẳng định: “SGK phải thể hiện mục tiêu, nguyên lí GD, cụ thể hóa nội dung, phương pháp GD quy định CT GD bậc học, cấp học và lớp học”.

- SGK không được xem là cuốn sách riêng lẻ mà bao gồm sách dùng cho HS; sách hỗ trợ bao gồm sách bài tập, các tài liệu hướng dẫn khác như sách thực hành,... và sách GV. Đây là những cuốn sách gắn bó mật thiết đối với HS và GV, đặc biệt là với trình độ hiện tại của HS và GV ở nước ta.

- SGK phải được Hội đồng thẩm định Quốc gia đánh giá, thẩm định, thông qua và được Bộ GD&ĐT cho phép lưu hành, sử dụng trong các trường phổ thông.

3.2. Vai trò, chức năng của sách giáo khoa

Việc xác định vai trò, chức năng của SGK vẫn được xem là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất của lí luận dạy học và lí thuyết về SGK. Việc nắm vững các chức năng cơ bản của SGK hiện đại giúp các tác giả SGK xác định được mục tiêu SGK cần đạt tới, cấu trúc cần có của SGK, hình thức thể hiện tốt các chức năng, cấu trúc của SGK, từ đó mới tạo ra những cuốn SGK thực sự có ích đối với HS, GV và cha mẹ HS. UNESCO đã nhấn mạnh và khẳng định: “SGK là một trong những yếu tố quyết định nhất đến chất lượng GD của một quốc gia bên cạnh yếu tố GV, hệ thống tổ chức GD và hệ thống CT GD” [9].

Trong những thập kỉ cuối của thế kỉ XX, khi đề cập đến các chức năng của SGK, các tác giả ở châu Âu thường nhấn mạnh đến các chức năng sư phạm, lí luận dạy học của SGK và thống nhất cho rằng các chức năng cơ bản và quan trọng nhất của SGK: *Thông tin - tái tạo, định hướng - điều khiển, luyện tập - kiểm tra, kích thích, tạo động cơ - hứng thú* (Bảng 1).

SGK được coi là tài liệu cơ bản được sử dụng trong quá trình dạy và học, SGK đóng một vai trò quan trọng

Bảng 1: Kết quả nghiên cứu về chức năng SGK của một số tác giả châu Âu

TT	Hacker (CHLB Đức, 1980, 1992)	Sujew (Liên Xô cũ, 1983)	Quan niệm chung ở CHLB Đức (1980)	Sorina (Liên Xô cũ, 1983)
1	Tái hiện	Truyền đạt thông tin	Thông tin	Thông tin/ truyền đạt thông tin
2	Điều khiển	Củng cố, tự kiểm tra	Điều khiển	Điều khiển
3	Ôn tập, kiểm tra, đánh giá	Tự GD, liên kết/ phối hợp	Củng cố kết quả	Tự GD, liên kết/ phối hợp
4	Cấu trúc	Nghiên cứu GD/ nghiên cứu phát triển	Kích thích	Nghiên cứu GD/ nghiên cứu phát triển
5	Tạo động cơ		Hợp lí hóa tổ chức dạy học	
6	Phân hóa			

Nguồn: Richard Bamberger, 1995

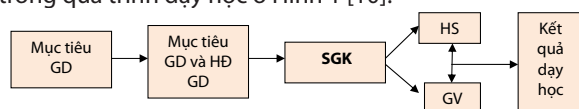
trong việc cải thiện GD. All-Wright (1999) coi SGK là “sách đưa ra các ý tưởng và các HĐ” chứ không phải là “tài liệu hướng dẫn”. SGK là “công cụ cần thiết cho HS học tập thường xuyên” và là tài liệu “hướng dẫn cho những GV thiếu kinh nghiệm giảng dạy, những GV mới vào nghề”. Một nghiên cứu về SGK của nhóm nghiên cứu Pakistanian đã kết luận: SGK có ảnh hưởng rất lớn đến những điều được dạy trong các trường ở phổ thông bao gồm từ Tiểu học đến Trung học phổ thông. SGK là “xương sống” cho việc giảng dạy trên lớp, đặc biệt là ở các nước đang phát triển bao gồm cả Pakistan. Nghiên cứu cho thấy đa số GV sử dụng SGK làm tài liệu giảng dạy chính, đặc biệt là các GV mới vào nghề, chưa có kinh nghiệm hoặc những người thiếu thời gian cho việc lên kế hoạch bài học. Những GV này dường như dạy từ trang đầu tiên của SGK đến trang cuối cùng (Tyson, 1997). Những kết luận trên cũng khá tương đồng với tình trạng GV của Việt Nam.

Tại Việt Nam, khi đề cập tới vai trò của SGK, nhiều nhà lí luận dạy học đã khẳng định:

Theo Thái Duy Tuyên: “SGK là phương tiện quan trọng nhất, giữ vị trí trung tâm trong hệ thống các phương tiện dạy học. Nó là nguồn tri thức cơ bản của HS, gắn bó các em suốt thời gian học.”

Theo Vũ Trọng Rỹ: “SGK có mối liên hệ chặt chẽ với phương pháp dạy học, SGK thể hiện những định hướng về phương pháp dạy học do CT quy định”.

Tác giả Đinh Quang Báo chỉ ra rằng: “SGK luôn là công cụ của GV và HS trong quá trình dạy học. Đối với HS, SGK là nguồn kiến thức chính để tra cứu, gia công trí tuệ dưới sự tổ chức của GV, qua đó chiếm lĩnh tri thức khoa học. Đối với GV, SGK định hướng phân tích, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện tổ chức dạy học”. Ông đã khái quát sơ đồ vị trí của SGK trong quá trình dạy học ở Hình 1 [10]:



Nguồn: Đinh Quang Báo, 2013

Hình 1: Vị trí của SGK trong quá trình dạy học

Ở các nước phát triển, SGK không được sử dụng như

một công cụ bắt buộc trong dạy học và GD ở nhà trường. Tuy nhiên, đối với tất cả các nước đang phát triển, SGK vẫn là một phương tiện dạy học có vai trò đặc biệt quan trọng, được sử dụng thường xuyên trong lớp học. SGK được tổ chức biên soạn, biên tập công phu, được thẩm định nghiêm ngặt, đảm bảo chất lượng và nội dung GD. Vì vậy, sử dụng hiệu quả SGK là một trong những con đường đáng tin cậy nhất và thuận lợi nhất để đảm bảo chất lượng GD ở nhà trường phổ thông.

3.3. Quan niệm về sách giáo khoa định hướng phát triển năng lực

Để thiết kế và biên soạn SGK định hướng phát triển NL, chúng ta cần phải hiểu rõ bản chất của khái niệm NL và xác định được con đường, mô hình tối ưu để phát triển NL trong dạy học và GD ở nhà trường phổ thông theo quan điểm của GD hiện đại.

Hiện nay, ở Việt Nam và trên thế giới có rất nhiều định nghĩa khác nhau về NL. Để xây dựng và phát triển các mô hình SGK theo định hướng phát triển NL, cần phải lựa chọn quan niệm thích hợp về NL. Quan niệm đó không những cần chỉ rõ NL là gì mà còn phải làm sáng tỏ mục tiêu chủ chốt và các yếu tố cấu thành cốt lõi của NL (cấu trúc NL). Với định hướng như vậy, chúng tôi chọn sử dụng định nghĩa về NL của nhà lí luận dạy học Weinert (2001): “NL là khả năng làm chủ và vận dụng được một cách đồng bộ hợp lí hệ thống các nguồn lực của cá nhân về kiến thức, kinh nghiệm, KN, tư duy, giá trị và thái độ để giải quyết có hiệu quả một nhiệm vụ, một vấn đề đặt ra của cuộc sống trong các tình huống khác nhau”. Weinert nhấn mạnh rằng để hình thành và phát triển NL thì không nên chỉ chú ý phát triển kiến thức, KN (hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả tư duy và phương pháp) mà cần thiết phải chú ý đến thành tố của NL là **sự sẵn sàng hành động** và coi đây là yếu tố động lực để khởi động nhanh chóng khả năng hành động của cá nhân. Khi nhấn mạnh đến bản chất kết nối của các thành tố thuộc NL, Rost (2006) cho rằng, không được phép tìm cách tách rời những yếu tố gắn kết chặt chẽ với nhau để tạo nên NL như kiến thức, sự hiểu biết, KN, khả năng làm, kinh nghiệm, hành động và động cơ. Ziener (2006) rút ngắn khái niệm NL của Weinert vào ba khía cạnh của



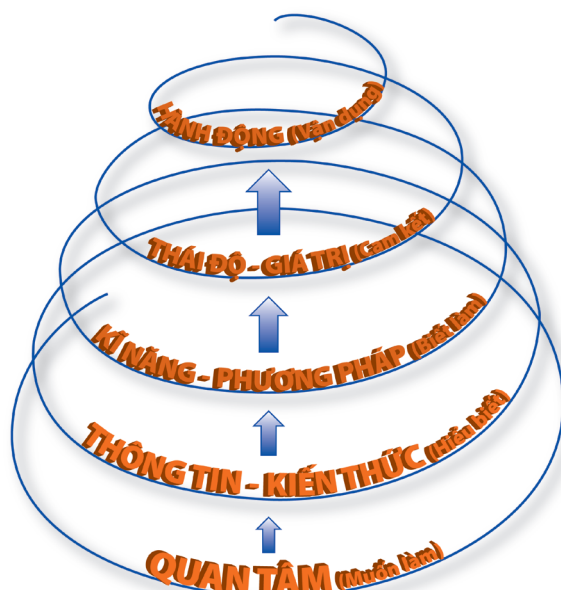
khả năng: (1) Khả năng hiểu biết; (2) Khả năng làm; (3) Khả năng sẵn sàng sử dụng kiến thức và KN để giải quyết những tình huống hay nhiệm vụ của cuộc sống. Hofer cho rằng NL là sự kết hợp của sự hiểu biết và khả năng làm (hành động).

Dựa trên những quan niệm nêu trên về NL, chúng tôi cho rằng trong khái niệm NL luôn chứa đựng những dấu hiệu bản chất sau đây: Xét về bản chất, NL được hiểu là khả năng vốn có cá nhân giải quyết thành công những nhiệm vụ, tình huống hay vấn đề của cuộc sống; Xét về cấu trúc, NL là một tổng thể thống nhất bao gồm các thành tố cốt lõi như kiến thức, sự hiểu biết, KN hiểu theo nghĩa rộng gồm cả tư duy và phương pháp, khả năng làm, kinh nghiệm, hành động và động cơ.

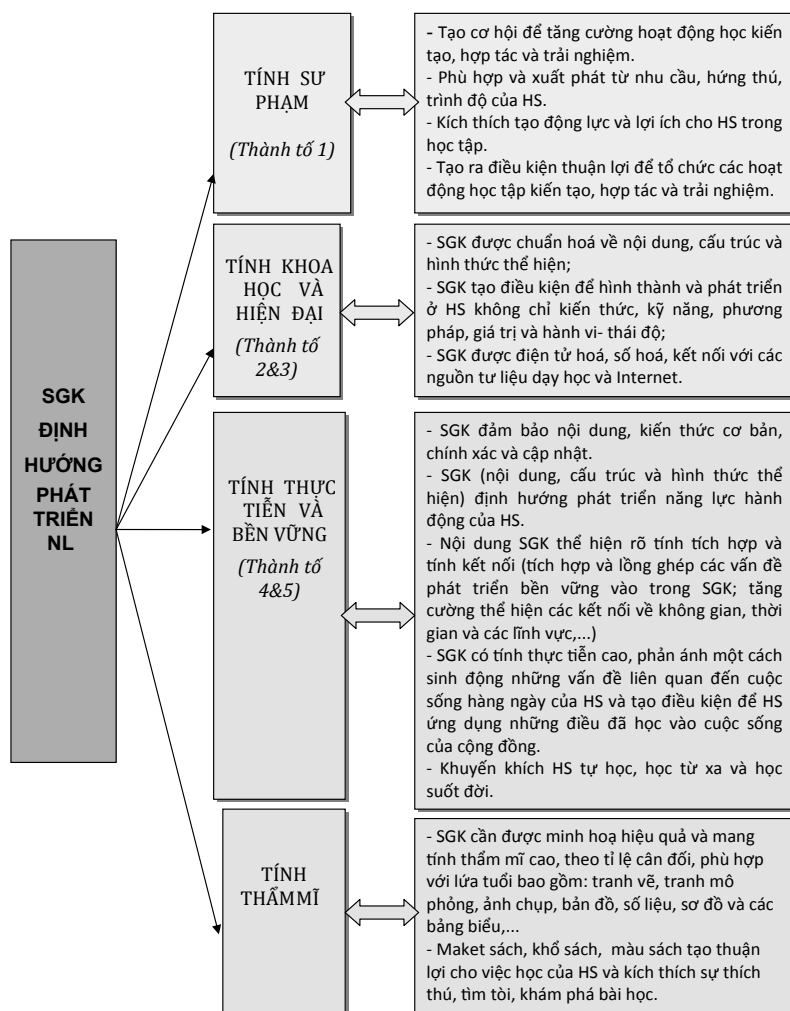
Để phát triển được NL của HS, bên cạnh hiểu bản chất của NL, điều cần thiết là phải hiểu rõ NL hình thành và phát triển theo con đường nào là tối ưu. GD học hiện đại ngày nay cho rằng hình thành NL đi từ thông tin đến kiến thức đến giá trị và hành động như trước đây vẫn thường làm trong dạy học và GD ở các nhà trường phổ thông là không hiệu quả. Con đường tối ưu và có hiệu quả để hình thành và phát triển NL của HS là đi theo đường vòng tròn xoay chôn ốc trong đó ở mỗi vòng cần bắt đầu từ tạo ra sự quan tâm, hứng thú (động cơ) rồi tiếp đến là thông tin - kiến thức (hiểu biết), KN - tư duy (biết làm), bước tiếp là thái độ - giá trị (sự cam kết) và kết thúc ở hành động (vận dụng). Như vậy, chu trình để tạo lập NL bao gồm các thành tố cơ bản sau (Hình 2):

Xây dựng và phát triển một cuốn SGK mới theo định hướng phát triển NL đòi hỏi những người làm SGK theo định hướng đổi mới một quan niệm khoa học và tường minh về SGK định hướng phát triển NL. Điều này có nghĩa là rất cần thiết phải trả lời một cách rõ ràng và có căn cứ khoa học câu hỏi: *Thế nào là một cuốn SGK mới định hướng phát triển NL?*

Căn cứ vào các thành tố nêu trên, theo chúng tôi, để thỏa mãn thành tố 1, SGK theo định hướng phát triển NL cần tạo nhu cầu, hứng thú học tập của HS; tăng cường những hoạt động kích thích, tạo động lực cho HS (*Tính sự phạm*). Với thành tố 2, ngoài chuẩn hóa nội dung, kiến thức SGK cần tạo nhiều cơ hội để HS chủ động xác định mục tiêu, những nhiệm vụ học tập cần được ưu tiên, phương pháp học tập, định hướng cách thức sử dụng SGK và có thể điều tiết việc tự học tập của bản thân; số hóa SGK và SGK phải



Hình 2: Các thành tố của chu trình tạo lập NL



Hình 3: Những đặc điểm của SGK theo định hướng phát triển NL

được kết nối với các nguồn tư liệu dạy học, Internet,... (Tính khoa học và hiện đại). Ở thành tố 3, SGK cần có những HĐ tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các HĐ học tập kiến tạo, hợp tác và trải nghiệm, cần quan tâm tới NL vận dụng vào thực tiễn, NL tự học của HS (Tính thực tiễn và bền vững). Ngoài ra, một NL hết sức quan trọng đối với HS là NL thẩm mĩ. NL này cần được thể hiện trong SGK theo định hướng đổi mới bằng cách trình bày các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh một cách tường minh, có tính thẩm mĩ cao,... vừa phát triển NL thẩm mĩ, khả năng trình bày của HS trong các lĩnh vực, vừa tạo sự hứng thú, kích thích NL tìm tòi, khám phá trong học tập (Tính thẩm mĩ).

Như vậy, theo chúng tôi, SGK theo định hướng phát triển NL cần có những đặc điểm chính sau (Hình 3).

4. Kết luận

SGK đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy học. Một cuốn SGK tốt có thể hỗ trợ HS trong việc hình thành và phát triển NL, trợ giúp nhiều cho GV trong việc tổ chức dạy học theo định hướng phát triển NL. SGK cũng có thể giúp GV bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn và giúp GV định hướng được phương pháp dạy học, cải cách ở mức độ cao. Do vậy, việc nghiên cứu và đề xuất SGK theo định hướng phát triển NL là một việc làm cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Falk Pingel, (2010), *UNESCO Guidebook on Textbook Research and Textbook Revision (2nd revised and update edition)*, United Nation Educational, Scientific and Cultural Organization 2009/ UNESCO.
- [2]. Trần Đức Tuấn, (2013), *Quan niệm về đổi mới và hiện đại hoá sách giáo khoa ở Việt Nam sau 2015*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và SGK theo định hướng phát triển bền vững, tr.106-112, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Đỗ Ngọc Thống, (2013), *Mô hình sách giáo khoa nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, V2012 - 03NV.

[4]. ASDC Members, (2010), *Curriculum 21 - Essential Education for a Changing World*, ASDC Publications, USA.

[5]. INCA, (2013), *International Review of Curriculum and Assessment Framework*-<http://inc.org.uk>.

[6]. Curriculum Planning and Development Division, (2008), *Science syllabus Primary*, Ministry of Education, Singapore.

[7]. Nghị quyết 29-NQ/TW về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, (2013).

[8]. Kahlid Mahmood, (2006), *The Process of Textbook Approval: A Critical Analysis*, Bulletin of Education & Research June 2006, Vol.28, No.1, pp. 1-22.

[9]. Trần Đức Tuấn (Chủ nhiệm đề tài) - Vũ Văn Hùng - Phan Doãn Thoại - Nguyễn Văn Tư - Nguyễn Thị Thanh Thủy - Nguyễn Thị Côi - Nguyễn Văn Tuấn, (2016), *Xây dựng tiêu chí đánh giá sách giáo khoa, sách giáo viên dạy các bộ môn và hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo chương trình giáo dục mới*, Báo cáo tổng kết nhiệm vụ Khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[10]. Đinh Quang Báo, (2013), *Sách giáo khoa Việt Nam theo định hướng phát triển năng lực sau năm 2015*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển bền vững, tr.62-68, NXB Giáo dục Việt Nam.

[11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), *Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển bền vững*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế, NXB Giáo dục Việt Nam.

[12]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông trong chương trình tổng thể đổi mới giáo dục phổ thông mới*, tháng 07 năm 2017.

[13]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (5/2015), *Biên soạn tài liệu hướng dẫn dạy học và sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông - Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào điều kiện của Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế.

TEXTBOOKS TOWARDS LEARNERS' COMPETENCE DEVELOPMENT

NGUYEN THI THANH THUY - Vietnam Education Publishing House

Email: thuynxbgd69@gmail.com

MAI SY TUAN - Hanoi National University of Education

Email: tuanmaisy@gmail.com

Abstract: Developing curriculum, compiling textbooks towards competence development is a popular trend in many countries, especially in advanced countries and Vietnam as well. Textbooks towards competence development should include main features such as: pedagogy; science and modernity; practicality and sustainability; aesthetics. A good textbook can help students form and develop competencies, assist teachers organize competency-based teaching, skills and professional improvement, and orient teaching methods, reformal at high levels.

Keywords: Textbooks; competence development; education.